

Bản án số 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2018

Về tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi

Bà Nguyễn Thị Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 1 năm 2018 về tranh chấp: Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Duy S, sinh năm 1951.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958.

Đều trú tại: Số nhà 49, ngõ 184, đường X, phố Đông S, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt ông S, vắng mặt bà C mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Lương Duy S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị C kết hôn năm 1978, quá trình C sống hai người đã sinh được bốn người con là Lương Duy K sinh năm 1979, Lương Duy L sinh năm 1981, Lương Thị D sinh năm 1987, Lương Duy L1 sinh năm 1990. Năm 2000 bà C làm đơn xin ly hôn ông và đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sau đó do ông bị bệnh nặng (bị ung thư vòm họng) nên gia đình và anh em họ hàng đã động viên ông bà đăng ký kết hôn lần hai,

bản thân ông xác định đằng nào cũng chết nên việc kết hôn lại để bà C được hưởng chế độ tuất của ông. Ông và bà C đã đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Bích Đào nhưng sau khi kết hôn bà C thường xuyên bỏ đi không quan tâm chăm sóc ông. Ông thấy giữa ông và bà C không sống với nhau được, việc kết hôn không ý nghĩa gì nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà C.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bà Nguyễn Thị C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến bằng văn bản mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ .

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn là ông S nghiêm chỉnh chấp hành còn bà C không chấp hành. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Nghị quyết 326 /UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Lương Duy S được ly hôn bà Nguyễn Thị C. Ông S phải nộp án phí dân sự về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Duy S và bà Nguyễn Thị C kết hôn vào năm 1978 và sinh được bốn người con gồm: Lương Duy K sinh năm 1979, Lương Duy L sinh năm 1981, Lương Thị D sinh năm 1987, Lương Duy L1 sinh năm 1990. Tại Bản án số 12/HNGĐ- ST ngày 26/9/2000, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình) đã xử cho bà C ly hôn ông S. Ngày 08/9/2016 ông S và bà C đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Bích Đào, việc kết hôn là tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai người lại xảy ra mâu thuẫn, bà C thường xuyên bỏ đi không quan tâm chăm sóc ông S mặc dù ông S bị bệnh nặng. Ông S kiên quyết xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà C đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, đời sống C không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho ông Lương Duy S được ly hôn bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]Về con chung, về tài sản chung và công nợ chung: Ông S không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Duy S. Xử cho ông Lương Duy S được ly hôn bà Nguyễn Thị C. Quan hệ hôn nhân giữa ông S, bà C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Duy S phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000854 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, ông S có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND TP Ninh Bình
- Chi cục thi hành án Ds TP Ninh Bình
- UBND phường B.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

